

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 5 – 2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tác và bà Huỳnh Thị Thế Phụng.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993, nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 13/02/2025, bản tự khai ngày 13/02/2025, Biên bản hoà giải ngày 18/4/2025 tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Năm 2022, anh B có xác lập quan hệ vợ chồng với chị Bùi Thị T, có đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống tính tình không hợp nhau, T không quan tâm chăm sóc khi anh bệnh, bỏ đi nhiều lần với lý do phải về quê ở P để lo cho 02 đứa con, vì trước khi đến với nhau thì anh B và T đều đổ vỡ gia đình, mỗi bên đều có con riêng. Anh nhiều lần nói T về N để sống nhưng T yêu cầu anh phải về quê của T trong khi ở quê của T anh không có công ăn việc làm. Đến khi T mang thai được 03 tháng thì đã bỏ về P, khi sinh con anh có đến

nuôi, chính thức ly thân từ tháng 03/2024 đến nay, thời gian ly thân không hàn gắn tình cảm, yêu cầu được ly hôn với T. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 05/02/2024 do Tươi nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: không có. Nợ chung (phải thu, phải trả): không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2025, Biên bản hoà giải ngày 18/4/2025 và tại phiên toà, bị đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: thống nhất với anh B về thời gian chung sống và kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn không như anh B trình bày mà là do anh B có mối quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ tên N (hiện tại đang sống cùng với B tại tỉnh Trà Vinh), chị và B xảy ra mâu thuẫn cự cãi là do người phụ nữ đó khi con tên H chỉ mới 03 tháng rưỡi, chị đã về nhà ở P chính thức ly thân từ đó đến nay. Khi mang thai 03 tháng chị về quê ở P để lo cho 02 đứa con riêng của chị chứ không phải bỏ đi lúc anh B bệnh. Sau đó chị ở quê sinh con, anh B có đến nuôi và sau khi sinh con được 03 tháng, anh B rước chị về lại N, vì phát hiện anh B ngoại tình nên vợ chồng cự cãi, chị mang theo con về quê sống đến nay. Anh B lấy cớ ly hôn để về ở với người phụ nữ kia, đề nghị anh B dẫn người phụ nữ đó đến Tòa để nói chuyện rõ ràng thì chị mới đồng ý ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 05/02/2024, do chị nuôi dưỡng, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu được tiếp tục nuôi, anh B phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: không có. Nợ chung (phải thu, phải trả): không có.

Tòa án xác minh anh Nguyễn Văn H1 (em ruột của anh B) cho biết: Anh sống ở cùng quê N, xã N và gần nhà với anh B. Vợ chồng B – Tươi có tổ chức lễ cưới và sống tại nhà của anh B, anh B đi thu hoạch dừa còn chị T ở nhà nội trợ. Tuy ở gần nhưng không rõ vợ chồng anh B – chị T có mâu thuẫn gì, khi vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 6 tháng thì chị T bỏ về quê ở xã P, huyện P lúc này chị T đang mang thai, anh B có về rước thì chị T không đồng ý. Anh B cũng không đồng ý sống ở quê chị T vì ở đây anh không có công ăn việc làm, không có kinh tế để lo cho gia đình. Mẹ ruột có kêu anh B rước cháu H và chị T về nhưng chị không đồng ý. Việc anh B có người phụ nữ khác hay không thì anh không biết, lúc vợ chồng anh B – chị T chung sống với nhau anh không nghe vợ chồng cự cãi gì về chuyện đó.

Tại phiên toà, anh B xác định đã không còn tình cảm, không muốn hàn gắn vợ chồng, vì ngoài mâu thuẫn vợ chồng thì thời gian qua T và gia đình anh cũng có lời qua tiếng lại, nên gia đình anh cũng không đồng ý rước Tươi về. Tươi cho rằng anh có người phụ nữ khác là không đúng, những tin nhắn trên tiktok là do T lấy điện thoại của anh và tự nhắn như vậy rồi chụp hình lại nói rằng anh ngoại tình. Những lần anh về P năn nỉ rước Tươi thì có gặp người đàn ông lạ ở nhà của T, nhưng không có chứng cứ xác thực nên anh không đề cập.

Chị T xác định đã không còn tình cảm với anh B và cũng không muốn đoàn tụ nhưng hiện tại chị chưa nghĩ tới chuyện lập gia đình khác nên không cần thiết phải ly hôn với anh B, vì khi ly hôn thì anh B và người phụ nữ kia được toại

nguyện đến với nhau nên chị không đồng ý ly hôn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Bùi Thị T. Về con chung, giao chị T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 05/02/2024 đến thành niên và tự lập được, anh B cấp dưỡng hàng tháng theo quy định pháp luật là 1.750.000 đồng/tháng. Tài sản chung không có nên không xem xét, nợ chung không có nên không xem xét. Anh B phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Anh Nguyễn Văn B và chị Bùi Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T cho rằng anh B ngoại tình, vì người thứ 3 mà vợ chồng cự cãi dẫn đến ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Anh B xác định không có mà ly thân vì T bỏ đi khi anh bệnh, không lo cho anh và nhiều lần năn nỉ rước về nhưng T không chịu. Tại phiên tòa, anh B và chị T đều xác định không còn tình cảm gì với nhau, cũng không muốn về chung sống lại. Chị T không đồng ý ly hôn vì không muốn anh B và người phụ nữ kia đến với nhau. Như vậy, mặc dù anh chị không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng đều xác định đã không còn chung sống từ tháng 3/2024 đến nay, thời gian ly thân không hàn gắn tình cảm và hiện tại không còn tình cảm với nhau. Nhận thấy, hôn nhân của anh B và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có tình nghĩa, không còn yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận cho anh B được ly hôn với chị T.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 05/02/2024, chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi và anh B phải cấp

dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định. Anh B đồng ý yêu cầu của chị T. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tiếp tục giao Nguyễn Thị Ngọc H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung hàng tháng là 1.750.000 đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật theo quy định khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính Phủ. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không có.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận anh B, chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh B, chị T phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh B phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và khoản 2, 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn B.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 05/02/2024 do chị Bùi Thị T đang nuôi dưỡng.

Giao chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 05/02/2024 đến khi thành niên và tự lập được.

Buộc anh Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên H mỗi tháng 1.750.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy

định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 09/5/2025.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh B, chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh B, chị T phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí 600.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011903 ngày 03/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, còn lại 300.000 đồng anh B phải tiếp tục nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị Bùi Thị T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Bảo, chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.